

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/HSPT

Ngày: 02/11/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

**Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuyên.***

***Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hòa***

***Ông Đinh Xuân Tuấn.***

**- Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:**

***Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Bình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phùng Đức Khương - Kiểm sát viên.***

Hôm nay ngày 02 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 136/2020/HSPT ngày 02 tháng 10 năm 2020 do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Sỹ D, Nguyễn Quang T và Mai Văn T1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 191/2020/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

***Các bị cáo có kháng cáo:***

**1. Nguyễn Sỹ D, sinh năm 1986.**

HKTT: Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12;

Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam;

Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Sỹ C, sinh năm 1956 và bà Đỗ Thị C, sinh năm 1955; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là út; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/5/2020 đến ngày 23/5/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại. (có mặt).

**2. Nguyễn Quang T, sinh năm 1987.**

HKTT: Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12;

Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam;

Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Quang M, sinh năm 1962 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ hai; có vợ là Nguyễn Thị Trà, sinh năm 1996, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 979/2005/HSPT ngày 28/9/2005 của Tòa phúc thẩm tại Hà Nội xử phạt Nguyễn Quang T 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội cố ý gây thương tích. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 14/11/2015.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/5/2020 đến ngày 23/5/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại. (có mặt).

**3. Mai Văn T1, sinh năm 1982.**

HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12;

Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam;

Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Mai Văn T, sinh năm 1959 và bà Khương Thị K, sinh năm 1958; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là lớn nhất; có vợ: Mai Thị H, sinh năm 1985; có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/5/2020 đến ngày 23/5/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại. (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo D: Luật sư Nguyễn Thế Uyên và Luật sư Nguyễn Đình D thuộc Văn phòng Luật sư Thế Gia, Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh. Đều có mặt.

Trong vụ án còn có 08 bị cáo khác không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Huy Đôn là chủ khu trang trại tại xứ Đồng sông công đình thuộc thôn D, xã Đ, huyện T, Bắc Ninh. Khu trang trại này giáp ranh với phường Tân Hồng, thị xã T, Bắc Ninh và có khu nhà cấp 4 nằm trên địa phận phường Tân Hồng. Khoảng tháng 02 năm 2020 Nguyễn Sỹ D và Nguyễn Quang T thuê lại khu trang trại của Đôn để chăn nuôi, thả cá nhưng chỉ trao đổi bằng miệng, không có văn bản hợp đồng. Đến đầu tháng 5 năm 2020, Nguyễn Sỹ D và Nguyễn Quang T đặt vấn đề với Đôn cho sử dụng khu trang trại để D và T tổ chức cho mọi người đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh “chắn” để thu tiền “phế”, Đôn đồng ý. Sau đó D, T đã tổ chức cho người đánh bạc ăn tiền tại khu trang trại của Đôn. Sáng ngày 20/05/2020, D gọi điện thoại bảo Nguyễn Khắc Hải, Nguyễn Dương Quân, Nguyễn Văn Vinh đến để đánh bạc. Sau đó D và T đã tổ chức 02 bàn đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh "chắn" tại khu nhà cấp 4 khu trang trại của Đôn. Các đối tượng trực tiếp đánh bạc gồm: Nguyễn Danh Giang, Nguyễn Văn Vinh, Nguyễn Văn Thảo, Chu Tam Hiến, Nguyễn Khắc Tinh, Nguyễn Khắc Hải, Nguyễn Dương Quân, Mai Văn T1. D và T thay nhau chia bài phục vụ 02 bàn đánh bạc và thu tiền "phế". Dương Huy Đôn có mặt tại khu trang trại, biết rõ các đối tượng đánh bạc ăn tiền, Đôn đồng ý để mọi người đánh bạc tại trang trại của mình và ngồi xem đánh bạc. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày D lấy 300.000 đồng tiền “phế” đi mua cơm cho D, T và mọi người, lúc này T vào chia bài cho cả hai bàn đánh bạc. Khoảng 12 giờ ngày 20/05/2020 khi các đối tượng đang đánh bạc tại 02 bàn đánh bạc. T ngồi chia bài phục vụ việc đánh bạc. Dương Huy Đôn đang ngồi xem đánh bạc thì Cơ quan Công an tỉnh Bắc Ninh bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tiền, dụng cụ các đối tượng sử dụng để đánh bạc.

Số tiền dùng để đánh bạc tại bàn đánh bạc của Giang, Vinh, Thảo, Hiến là: 11.850.000 đồng, số tiền dùng đánh bạc tại bàn đánh bạc của Hải, T1, Tinh, Quân là: 18.500.000 đồng. Số tiền "Phế" mà D và T đã thu được từ hai bàn đánh bạc là: 800.000 đồng. Vật chứng thu giữ gồm: 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân bài; 01 thảm trải sàn nhà; tổng số tiền thu giữ là 46.470.000đ (thu trên chiếu bạc là 4.770.000đ, thu trên người các đối tượng là 41.700.000đ); ngoài ra còn thu giữ 07 chiếc điện thoại di động các loại.

Với nội dung như trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 191/2020/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh đã tuyên xử các bị cáo Nguyễn Sỹ D, Nguyễn Quang T phạm tội Tổ chức đánh bạc; bị cáo Mai Văn T1 phạm tội Đánh bạc. Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Nguyễn Sỹ D 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian bắt tạm giữ từ ngày 20/5/2020 đến ngày 23/5/2020. Phạt bổ sung bị cáo D 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

Nguyễn Quang T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian bắt tạm giữ từ ngày 20/5/2020 đến ngày 23/5/2020. Phạt bổ sung bị cáo T 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự (đối với T1), xử phạt:

Mai Văn T1 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian bắt tạm giữ từ ngày 20/5/2020 đến ngày 23/5/2020. Phạt bổ sung bị cáo T1 15.000.000đ (mười năm triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với 08 bị cáo khác, truy thu số tiền hưởng lợi do phạm tội mà có, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/9/2020, bị cáo Mai Văn T1 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 07/9/2020, bị cáo Nguyễn Quang T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 09/9/2020, bị cáo Nguyễn Sỹ D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo D và T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị cáo T thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản án sơ thẩm là đúng người, đúng tội, không oan.

Bị cáo D trình bày: Bị cáo và T thuê trang trại của Dương Huy Đôn với mục đích chăn nuôi, thả cá. Tuy nhiên việc làm ăn không thuận lợi nên các bị cáo đã thống nhất dùng địa điểm này để cho các đối tượng đánh bạc và thu phé. Ngày 20/5/2020, bị cáo trực tiếp gọi cho Hải, Vinh, Quân để đánh bạc; bị cáo và T đã tổ chức cho 02 chiếu đánh bạc và thay phiên nhau chia bài phục vụ. Ngoài ra, khi

T1 hết tiền thì bị cáo có cho T1 vay số tiền 5.000.000đ, việc vay mượn không có lãi và đây là lần đầu bị cáo cho T1 vay tiền. Bị cáo nhận thức được những hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tuy nhiên bị cáo đề nghị HĐXX xem xét bị cáo lần đầu phạm tội, chưa có tiền án tiền sự, từ trước đến nay luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Trong quá trình giải quyết vụ án, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp số tiền 30.200.000đ theo quyết định của bản án sơ thẩm. Bị cáo cho rằng mức hình phạt 20 tháng tù là quá nặng, và đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo T trình bày: Bị cáo thừa nhận lời trình bày của D là đúng, ngày 20/5/2020, bị cáo và D tổ chức 02 chiếu bạc và thu phế. Bị cáo thừa nhận bản án sơ thẩm xử tội tổ chức đánh bạc là đúng, tuy nhiên mức hình phạt 18 tháng tù đối với bị cáo là quá nặng; bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo T1 trình bày: Ngày 20/5/2020, bị cáo cầm số tiền 4.000.000đ để đánh bạc dưới hình thức đánh chắn, sau đó bị cáo hết tiền và có vay D 5.000.000đ để tiếp tục chơi thì bị lực lượng công an bắt quả tang. Bị cáo nhận thức được những hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tuy nhiên bị cáo đề nghị HĐXX xem xét hoàn cảnh của bị cáo là phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình, đang nuôi bố mẹ già và con nhỏ; bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã xuất trình các huân huy chương của bố đẻ và ông ngoại bị cáo. Vì vậy, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hiện quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tích chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ, cùng nhân thân của các bị cáo đã đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Uyên trình bày: Nhất trí về tội danh. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D vì bị cáo là người có nhân thân tốt, gia đình bố mẹ làm nghề nông, thành khẩn khai báo, sau khi xử sơ thẩm thì bị cáo D đã nộp lại số tiền 30.200.000đ; đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; mặc dù tổ chức đánh bạc nhưng không có thủ tục xảo quyệt, chuyên nghiệp. Vì vậy đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D.

Luật sư D nhất trí với quan điểm của luật sư đồng nghiệp, tuy nhiên vị luật sư cho rằng bị cáo D có đầy đủ điều kiện hưởng án treo, do vậy đề nghị HĐXX xem xét chiếu cố cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Bị cáo D nhất trí với quan điểm của các luật sư và không trình bày bổ sung gì thêm.

Bị cáo T và T1 không tranh luận với vị đại diện VKS.

Đại diện VKS đối đáp với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo D: Bị cáo D chỉ được tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 và việc nộp tiền phạt và án phí chỉ là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2, đề nghị HĐXX áp dụng thêm khoản 2 Điều 51, nhưng bị cáo D là người chủ mưu cầm đầu, rủ rê các bị cáo khác đánh bạc, trong quá trình đánh bạc đã cho T1 vay tiền, và thực hiện việc chia bài thu tiền phé nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các luật sư, bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên quan điểm đã phát biểu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Xem xét lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của những người khác tại cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX thấy đã đủ cơ sở để kết luận: Nguyễn Sỹ D và Nguyễn Quang T đã có hành vi tổ chức 02 chiếc bạc trong cùng một lúc mà tổng số tiền đánh bạc tại 02 chiếu lần lượt là 11.850.000đ và 18.500.000đ; số tiền phé thu từ các chiếu bạc tổng cộng là 1.100.000đ. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” tội danh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 BLHS. Đối với Mai Văn T1 đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh Chắn cùng với các đối tượng là Hải, Tinh, Quân; số tiền đánh bạc xác định là 18.500.000đ. Hành vi của T1 bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc được quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Các bị cáo đã bị xét xử theo tội danh tại bản án sơ thẩm là đúng người, đúng tội, không oan.

[2]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây mất trật tự trị an trên địa bàn mà còn trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng. Đây là một trong những tệ nạn xã hội thường là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm khác như trộm cắp tài sản, cướp tài sản...mà dư luận nhân dân hiện nay đang bất bình, đặt ra yêu cầu phải đưa ra xét xử nhằm giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong nhân dân.

[3]. Xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo có nội dung: D xin giảm nhẹ hình phạt, T xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo; T1 xin hưởng án treo, HĐXX phúc thẩm thấy:

Bị cáo Nguyễn Sỹ D giữ vai trò chính trong vụ án, là người sử dụng địa điểm do bị cáo quản lý để tổ chức 02 chiếu bạc cho các đối tượng đánh bạc, chủ động gọi điện, chuẩn bị công cụ đánh bạc, nhận tiền hồ của các đối tượng. Bị cáo có nhân thân tốt, trong quá trình giải quyết vụ án luôn tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo đã có ý thức nộp lại số tiền phạt bổ sung, án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm. Đây được coi là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Quang T đã từng bị Tòa phúc thẩm tại Hà Nội xử phạt Nguyễn Quang T xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 48 tháng về tội cố ý gây thương tích theo quyết định của bản án số 979/2005/HSPT ngày 28/9/2005; bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án; thời hạn được xóa án tích tính đến ngày phạm tội mới đã hơn 4 năm, ngoài ra ở lần phạm tội này, bị cáo T đồng phạm với bị cáo D về tội Tổ chức đánh bạc, tuy nhiên có thể thấy T giữ vai trò thứ yếu, không đáng kể; bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, có nơi cư trú rõ ràng, trong quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp đủ số tiền 30.200.000đ tiền phạt và án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm. Do đó, cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo, xét thấy mức hình phạt 18 tháng tù đối với bị cáo là quá nặng, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt; chuyển thành án treo đối với bị cáo cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Bởi vậy, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Mai Văn T1 là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình giải quyết vụ án bị cáo luôn tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51; sau khi xử sơ thẩm bị cáo xuất trình huân huy chương của bố và ông ngoại bị cáo; bị cáo đã tự nguyện nộp đủ số tiền 15.200.000đ tiền phạt và án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm do đó cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Áp dụng Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP có thể thấy bị cáo điều

kiện được hưởng án treo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Bởi vậy, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX phúc thẩm không xem xét.

Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Sỹ D, Nguyễn Quang T và Mai Văn T1 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ điểm b khoản 1 điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 (đối với bị cáo D); điểm e khoản 1 Điều 357 (đối với bị cáo T và bị cáo T1) Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Sỹ D, Nguyễn Quang T, Mai Văn T1, sửa bản án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Nguyễn Sỹ D 15 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 02/11/2020, nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 20/5/2020 đến ngày 23/5/2020. Phạt tiền bị cáo 30.000.000đ sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo D đã nộp số tiền 30.200.000đ theo biên lai thu tiền số 0003754 ngày 13/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã T.

Áp dụng khoản 3 Điều 347 BLTTHS: Quyết định bắt, tạm giam bị cáo D 45 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Nguyễn Quang T 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Tổ chức đánh bạc. Thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt tiền bị cáo 30.000.000đ sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo T đã nộp số tiền 30.200.000đ theo biên lai thu tiền số 0003728 ngày 29/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã T.

Giao bị cáo Nguyễn Quang T cho UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:



Mai Văn T1 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 20 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt tiền bị cáo 15.000.000đ sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo T1 đã nộp số tiền 15.200.000đ theo biên lai thu tiền số 0003730 ngày 30/10/2020 của chi cục thi hành án dân sự thị xã T.

Giao bị cáo Mai Văn T1 cho UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.*

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Vụ I – Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND thị xã T;
- VKSND thị xã T;
- Cơ quan CSĐT thị xã T;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BN;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Minh Tuyên**